

Bản án số: 34/2023/HNGĐ - ST
Ngày 06 - 9 - 2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Nguyễn Đức Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Ánh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm M, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Ông Lê Quang C, sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn A, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông C chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 08/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 17 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông C ngoại tình, ông C công khai sống chung với người khác, ông C luôn kiêu căng chửi mắng hành hung và đuổi bà ra khỏi nhà, nên tháng 5 năm 2008 bà bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xóm M, huyện N, tỉnh Nghệ An ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà và ông C không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể kéo dài cuộc sống chung, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông C không có con chung.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Quang C trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2006 ông kết hôn với bà H, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Năm 2008 ông đưa bà H về quê ở Nghệ An, sau đó bà H xin ở lại làm ăn một thời gian để có thêm vốn về cùng nhau xây dựng gia đình. Trong quá trình chung sống ông, bà không có mâu thuẫn gì lớn, bản thân ông vẫn còn thương yêu bà H nên mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà H không có con chung.

Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn giữa bà và ông C, ông C có địa chỉ thường trú tại thôn A, xã N, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn và tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C:

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An là hôn nhân hợp pháp. Theo bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông C không chung thủy chung sống công khai với người khác, ông C còn chửi mắng và hành hung bà, nên bà phải sống ly thân ông C từ năm 2008 đến nay, nay bà xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Ông C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, bản thân ông vẫn còn thương yêu bà H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, Tòa án tiến hành phiên hòa giải động viên hai bên quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, bà H vẫn giữ quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, bà H và ông C chỉ chung sống với nhau được thời gian ngắn; ông, bà sống ly thân từ năm 2008 đến nay đã hơn 15 năm. Nay bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, bà không còn tình

cảm với ông C và không thể chung sống cùng ông C; ông Chính xác đ vẫn còn tình cảm với bà H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông không có biện pháp và cách thức giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, để hàn gắn tình cảm với bà H.

Thực tế bà H và ông C đã ly thân trong thời gian dài, không quan tâm đến nhau, hôn nhân giữa bà H và ông C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông C không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: bà H và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà H khởi kiện vụ án ly hôn, không thuộc trường hợp được miễn án phí, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H: Bà Lê Thị H được ly hôn ông Lê Quang C.

3. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012491 ngày 23/3/2023.

4. Quyền kháng cáo: Bà H và ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND xã Nghĩa Minh, h. Nghĩa Đàn
tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA.

Phạm Ngọc Sơn